

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 13/2019/HNGĐ-ST

Ngày 07-5-2019

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG- TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Chí Trung.

Ông Nguyễn Thanh Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bảo Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên tòa:
Không tham gia.

Ngày 07/5/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2019 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2019/QĐST – HNGĐ, ngày 17 tháng 4 năm 2019 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số: 01/TB-TA ngày 26/4/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Võ Trọng T, sinh năm: 1978.

Địa chỉ: Ấp W, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Lê Thị Bích L, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: Ấp W, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Anh T có mặt. Chị L có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 04/3/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Võ Trọng T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị L chung sống với nhau từ năm 1994, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu sống chung hạnh phúc, tuy nhiên sau đó phát sinh mâu thuẫn nên ly thân từ năm 2017 đến nay.

Nay nhận thấy mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã quá trầm trọng, tình cảm đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lê Thị Bích L.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh T và chị L có 02 con chung là Võ Trần C (sinh ngày 15/11/2000) và Võ Tuấn C (sinh ngày 19/10/1994). Hiện nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh T trình bày không có.

Tại phiên tòa hôm nay, anh T vẫn giữ nguyên theo yêu cầu khởi kiện ban đầu, không có ý kiến gì thêm

- Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng theo biên bản hòa giải ngày 11/4/2019 chị Lê Thị Bích L có ý kiến như sau:

Chị và anh T chung sống năm 1994, không có đăng ký kết hôn đúng như anh T trình bày. Hiện nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên **chị L** đồng ý ly hôn theo yêu cầu **anh T**.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh T và chị L có 02 con chung là Võ Trần C (sinh ngày 15/11/2000) và Võ Tuấn C (sinh ngày 19/10/1994). Hiện nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Xét việc anh Võ Trọng T khởi kiện xin ly hôn là vụ án dân sự và bị đơn chị Lê Thị Bích L hiện nay đang trú tại xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Tam Nông giải quyết là đúng thẩm quyền.

Chị Lê Thị Bích L là bị đơn và có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị L là phù hợp với quy định.

[2] Về yêu cầu của các đương sự: Anh T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị L. Tại phiên tòa hôm nay, chị L vắng mặt nhưng theo văn bản ý kiến chị đồng ý ly hôn với anh T. Hội đồng xét xử xét thấy tại phiên tòa hôm nay anh T vẫn kiên quyết ly hôn, mặc dù Hội đồng xét xử đã rất cố gắng động viên, hàn gắn nhưng anh T vẫn không thay đổi ý kiến. Từ đó, nhận thấy mâu thuẫn giữa hai bên đã quá trầm trọng, tình cảm không còn. Tại phiên tòa hôm nay, anh T trình bày vợ chồng không có đăng ký kết hôn. Theo văn bản ý kiến của chị L thì từ khi sống chung đến nay giữa chị và anh T không có đăng ký kết hôn. Do đó,

không công nhận anh T và chị L là vợ chồng là phù hợp với quy định tại Điều 14, Điều 53 Luật hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh T và chị L có 02 con chung là Võ Trần C (sinh ngày 15/11/2000) và Võ Tuấn C (sinh ngày 19/10/1994). Hiện nay các con đã trưởng thành anh T và chị L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Anh T và chị L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Anh T và chị L đều trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 14, Điều 53, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Võ Trọng T và chị Lê Thị Bích L là vợ chồng.

2/ Về con chung: Do các con anh T và chị L đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3/ Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4/ Về nợ chung: Đương sự trình bày không có.

5/ Về án phí:

Anh Võ Trọng T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp theo biên lai số BH/2017/0005559, quyền số 0000112 ngày 25 tháng 3 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp. Anh Võ Trọng T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Chị Lê Thị Bích L không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Án xử công khai, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- Phòng GDKT Toà án Tỉnh;
- VKSND huyện Tam Nông;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- Các đương vụ trong vụ án;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Duy Khang